

XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGHE HIỂU LỜI NÓI VÀ NĂNG LỰC SỬ DỤNG LỜI NÓI CỦA TRẺ 12 ĐẾN 36 THÁNG -PLAGCHECKED.doc

Developing an assessment toolkit for evaluating the listening comprehension and spoken language abilities of children aged 12 to 36 months

ABSTRACT

45

Language serves as both a means of communication and a tool for human cognition. During the early years of life, particularly the period from 12 to 36 months, is a critical time for language development in children. This is when they learn to speak through interactions with others in specific environments. For children, language development plays a crucial role in cognitive growth, personality formation, and overall development. It serves as a tool for communication, learning, and play. Therefore, constructing an assessment toolkit to evaluate the listening comprehension and spoken language abilities of children aged 12 to 36 months is essential. Such a toolkit not only helps preschool teachers directly assess the language development of individual children within this age range, enabling them to choose appropriate content, methods, and educational approaches to support optimal language development, but it also provides teaching materials for teacher education and research. Additionally, the toolkit allows parents to assess their child's language abilities, empowering them to seek specialized advice if any language-related issues are detected.

Keywords: *Toolkit, Assessment, Listening comprehension abilities, spoken language abilities, children aged 12 to 36 months.*

2 Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ 12 đến 36 tháng tuổi

TÓM TẮT

Ngôn ngữ có chức năng ¹ tiếp và là công cụ tư duy của con người. Trong những năm ¹ đời, đặc biệt giai đoạn từ 12 đến 36 tháng tuổi là thời điểm vàng để phát triển ngôn ngữ cho trẻ bởi đây là khoảng thời gian trẻ học nói thông qua các tiếp xúc với người khác trong những môi trường nhất định. Đối với trẻ em, sự phát triển ngôn ngữ đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong ² việc phát triển tư duy, hình thành và phát triển nhân cách; là công cụ để trẻ giao tiếp ¹¹ c tập, vui chơi. Vì vậy, việc xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 ³ tháng tuổi là vô cùng cấp thiết. Bộ công ⁵⁶ này không chỉ giúp cho giáo viên ²³ m non đang trực tiếp dạy các nhóm trẻ trong độ tuổi từ 12 đến 36 tháng tuổi đánh giá được ⁴ sự phát triển ngôn ngữ của từng trẻ, từ đó lựa chọn ra nội dung, phương ¹ áp, hình thức giáo dục phù hợp tác động để giúp t ³⁸ phát triển ngôn ngữ được tốt nhất, mà còn giúp cho giảng viên sư phạm và ¹ nh viên ngành giáo dục mầm non có tư liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, học tập. Ngoài ra, bộ công cụ còn giúp phụ huynh của trẻ có thể đánh giá được năng lực ngôn ngữ của con em mình để chủ động tìm đến sự tư vấn chuyên môn khi phát hiện con em có vấn đề về ngôn ngữ.

Từ khóa: Bộ công cụ, đánh giá, năng lực nghe hiểu lời nói, năng lực sử dụng lời nói, trẻ 12 – 36 tháng tuổi.

1. MỞ ĐẦU

Trẻ 12 - 36 tháng tuổi là thời kì rất nhạy cảm đối với sự phát triển ngôn ngữ, chính trong thời kì này ¹ sự lĩnh hội ngôn ngữ mẹ đẻ diễn ra hiệu quả, là yếu tố có vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện trẻ em ở độ tu ¹ này. Muốn phát triển ngôn ngữ cho trẻ, phải đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ vì đây chính là cơ sở để nhà giáo dục có thể xác định được mục tiêu, r ²⁴ dụng, phương pháp phù hợp tác động nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ một cách hiệu quả. Việc kiểm tra sự ²⁹ phát triển ngôn ngữ của trẻ 12 – 36 tháng tuổi còn gặp nhiều khó khăn, không thường xuyên và khó có t ⁹ xác định được chính xác khả năng ngôn ngữ của trẻ, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển ng ⁷ ngữ cho trẻ. Do đó, chúng tôi mong muốn xây dựng được bộ công ¹ đánh giá khả năng ngôn ngữ của trẻ độ ² 0i này. Bài viết dưới đây là kết quả nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá năng l ¹² nghe hiểu lời nói và năng l ²² sử dụng lời nói của trẻ từ 12 – 36 tháng tuổi (sản phẩm đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ mã số B2023.CM2.01).

2. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề lý luận có liên quan

2.1.1. Một số khái niệm

Ngôn ngữ - theo Nguyễn Thiện Giáp là: “một hệ thống tín hiệu âm thanh đặc biệt, là phương tiện giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất của các thành viên trong một cộng đồng người; ngôn ngữ đồng thời cũng là phương tiện phát

triển tư duy, truyền đạt truyền thống văn hoá – lịch sử từ thế hệ này sang thế hệ khác” ¹.

Năng lực ngôn ngữ là: “toàn bộ các điều kiện tâm lý và sinh lý bảo đảm cho thành viên của một cộng đồng ngôn ngữ có thể l ¹ hội và sản sinh lời nói. Năng lực ngôn ngữ giúp con ¹² ười có thể hiểu điều người khác diễn đạt và biểu đạt rõ ràng, mạch lạc ý nghĩ và tình cảm của m ¹ bằng lời nói cũng như nét mặt, điệu bộ, cử chỉ. Nói cách k ³⁴, đó chính là khả năng lĩnh hội và truyền tải thông tin một ¹ ch hiệu quả thông qua ngôn ngữ. Năng lực ngôn ngữ thể hiện ở các bình diện ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp” ².

Biểu hiện của năng lực ngôn ngữ:

Năng lực nghe hiểu lời nói là: “khả năng người tiếp nhận lời nói nghe được âm thanh ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa của âm thanh ấy trên cơ sở hiểu được ý nghĩa của từ, từ đó hiểu được nội dung thông báo ¹ o câu và chuỗi câu mang lại. Nói cách khác, năng lực nghe hiểu lời nói biểu hiện ở khả năng nghe âm thanh ngôn ngữ (cơ quan thính giác phát triển bình thường và ²¹ ực rèn luyện đúng cách và đúng mức), hiểu ý nghĩa của âm thanh ấy (nhằm được nghĩa của từ/cụm từ và nghĩa của câu, đoạn), phản ứng lại một cách ¹ ch hợp dựa trên những gì đã nghe và hiểu. Đối với trẻ em, năng lực nghe hiểu ²⁶ i nói thể hiện ở việc trẻ nghe đúng âm thanh lời nói, hiểu ¹⁹ thực hiện được các yêu cầu bằng lời ¹ i hoặc trả lời được câu hỏi của người khác. Sự phát triển của năng lực nghe hiểu lời nói phản ánh sự

phát triển của ngôn ngữ thụ động (receptive language).³

Năng lực sử dụng lời nói là “khả năng truyền tải thông điệp có chủ định bằng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp xã hội (ngôn ngữ chủ động, expressive language). Đây là khả năng người nói sử dụng được các kỹ năng ngôn ngữ như phát âm, sử dụng từ, đặt câu và liên kết câu để biểu đạt được nội dung giao tiếp bằng ngôn ngữ. Năng lực sử dụng lời nói ở trẻ nếu được trau dồi, rèn luyện đúng cách, đúng mức, có thể giúp đưa trẻ thực hiện được các hoạt động khác nhau trong cuộc sống, góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ”.³

Đánh giá năng lực ngôn ngữ của một đối tượng là: “quá trình thu thập các dữ kiện về năng lực ngôn ngữ của đối tượng đó và đưa ra nhận định về mức độ đạt được theo các tiêu chí về năng lực ngôn ngữ của độ tuổi đã được xác định trong các tiêu chuẩn”.²

2.1.2. Tầm quan trọng của việc đánh giá năng lực ngôn ngữ đối với trẻ em

Trong hệ thống các loại hình giao tiếp đa dạng và phong phú của con người, ngôn ngữ được coi là hình thức giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất. Nó được tạo thành từ nội dung và ý nghĩa của kí hiệu hoá mang tính chất ngôn ngữ nhằm giúp cho con người có thể giao tiếp với nhau trong cuộc sống (Bloom & Lahay, 1978).⁴

Ngôn ngữ được cấu thành từ rất nhiều các yếu tố khác nhau như nội dung nhận thức của ngôn ngữ (về mặt ý nghĩa), hình thức cấu tạo của ngôn ngữ (về mặt cấu tạo từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) và chức năng mang tính xã hội (về mặt sử dụng lời nói để giao tiếp). Các yếu tố này không tồn tại một cách độc lập mà chúng có mối tương quan tác động qua lại với nhau một cách chặt chẽ (McLean & Snyder – McLean, 1978).⁵

Chính vì vậy mà trong nhiều trường hợp, trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi chậm phát triển về nhận thức hoặc tính xã hội thì cũng chậm phát triển về ngôn ngữ. Nói cách khác, ngôn ngữ có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển nhận thức và tính xã hội ở trẻ em nói chung, trẻ độ tuổi 12 – 36 tháng nói riêng.⁴⁴ Nếu trẻ có vấn đề về ngôn ngữ thì sẽ kéo theo sự phát triển không bình thường của rất nhiều lĩnh vực khác hoặc làm cho các lĩnh vực này không phát triển được như mong muốn.

Theo đó, việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ là vô cùng quan trọng nhưng không thể tách rời nó với các lĩnh vực phát triển khác mà điều đặc biệt cần thiết là phải đặt ngôn ngữ trong mối quan hệ mật thiết với tất cả các lĩnh vực. Từ đó

mới giúp cho sự phát triển của trẻ được toàn diện, hài hoà và cân đối ở tất cả các mặt khác nhau, tạo tiền đề vững chắc cho trẻ tự tin hoà nhập vào cuộc sống cũng như tham gia vào các hoạt động học tập và vui chơi.

Tất cả các yếu tố nói trên cho thấy việc phát hiện và chẩn đoán được sự phát triển ngôn ngữ bình thường hoặc bất thường của trẻ ở từng giai đoạn khác nhau trong độ tuổi từ 58 đến 36 tháng là vô cùng quan trọng. Nếu trẻ phát triển bình thường về ngôn ngữ thì khả năng ngôn ngữ của bản thân trẻ nằm ở mức độ nào trong từng ngôn ngữ (phát triển rất tốt, phát triển tốt, phát triển bình thường). Nếu trẻ có vấn đề về ngôn ngữ thì trẻ chậm phát triển ngôn ngữ ở mức độ nào, có khả năng phục hồi cho ngôn ngữ trẻ phát triển bình thường trở lại hay không. Để đánh giá đúng năng lực ngôn ngữ của trẻ, việc đầu tiên là phải xác định được một cách rõ ràng và cụ thể mục đích của việc đánh giá. Sau đó phải lựa chọn và quyết định nội dung và phương pháp đánh giá sao cho phù hợp với mục đích đánh giá đã đề ra.

2.1.3. Mục đích, nội dung và phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ

2.1.3.1. Mục đích

Miller (1978) đã giới thiệu 3 mục đích khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, trong đó trẻ 12 – 36 tháng, cụ thể như sau: “Nhằm phát hiện những vấn đề bất bình thường tiềm ẩn trong ngôn ngữ của trẻ. Nhằm đánh giá được năng lực ngôn ngữ hiện tại của trẻ. Nhằm mục đích can thiệp sớm và đánh giá hiệu quả của việc can thiệp sớm”.⁶

2.1.3.2. Nội dung

Năng lực ngôn ngữ của trẻ biểu hiện cụ thể ở 2 lĩnh vực: nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói. Cả hai năng lực này đều liên quan đến việc nhận thức và hiểu biết về các sự vật (object) hoặc sự kiện (events), đến việc hiểu nghĩa của từ và dùng từ cũng như các nguyên tắc sắp xếp các từ để tạo thành câu theo cấu trúc ngữ pháp, đến việc phát âm theo những quy tắc, chuẩn mực nhất định để có thể thực hiện được hoạt động giao tiếp trong xã hội.

Chính vì vậy, khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ, phải xây dựng được các hạng mục kiểm tra bao gồm đầy đủ các yếu tố nói trên, cụ thể là các hạng mục kiểm tra xây dựng để đánh giá năng lực ngôn ngữ cho trẻ phải bao gồm cả việc nghe hiểu lời nói và việc sử dụng lời nói của trẻ. Mỗi lĩnh vực đều bao gồm đầy đủ các nội dung được xây dựng để đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ theo các yếu tố của ngôn ngữ

1) sự khả năng phát âm, việc hiểu nghĩa của từ và câu, khả năng dùng từ, đặt câu của trẻ.

2.1.3.3. Phương pháp

1) Miller (1978) đã đưa ra 4 phương pháp đánh giá ngôn ngữ của trẻ mầm non, cụ thể là: “đánh giá tiêu chuẩn hóa (Standardization test), 1) nh giá sự phát triển (Development standard), đánh giá phi tiêu chuẩn hóa (Non-standardization test), và quan sát hành động (action observe)”. Trình tự đánh giá phải được 1) lựa chọn dựa theo mục đích đánh giá.⁶

1) Khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12 – 36 tháng tuổi, có thể áp dụng nhiều phương 1) pháp đánh giá tùy thuộc mục đích đánh giá. Căn cứ vào trình tự và cách thức tiến hành test, có thể chia phương pháp đánh giá năng lực ngôn 1) ngữ của trẻ ra làm 2 phương pháp lớn: “Thứ nhất, 1) phương pháp kiểm tra trực tiếp của người kiểm 1) tra trên đối tượng kiểm tra. Ở phương pháp kiểm 1) tra này, người kiểm tra phải tiến hành trực tiếp 1) trên đối tượng trẻ và phải thực hiện theo một 1) trình tự nghiêm ngặt, từ việc trực tiếp kiểm tra 1) từng hạng mục của bộ công cụ, trực tiếp quan 1) sát và ghi chép kết quả, đến việc trực tiếp chấm điểm và tính điểm cho trẻ. Thứ hai, phương 1) pháp kiểm tra gián tiếp như là quan sát hành động của trẻ hoặc phỏng vấn bố mẹ hoặc người 1) trực tiếp chăm sóc trẻ”.⁶

1) Phương pháp kiểm tra trực tiếp có thể 1) mang lại một kết quả khách quan có độ tin cậy 1) tính chính xác cao. Tuy nhiên, có nhiều 1) trường hợp như độ tuổi của trẻ quá nhỏ hoặc trẻ 1) những biểu hiện không bình thường cần phải 1) kiểm tra để cụ thể hóa những bất thường ở trẻ. 1) Người ta thường chọn phương pháp kiểm tra 1) gián tiếp như quan sát hành động hay phỏng vấn 1) bố mẹ hoặc những người chăm sóc trẻ.¹⁴

2.1.4. Quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12 – 36 tháng

30) Để xây dựng và định chuẩn bộ công cụ, chúng tôi đã tiến hành xây dựng các hạng mục kiểm tra theo đúng quy trình các bước xây dựng một trắc nghiệm đánh giá, tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc xây dựng test trắc nghiệm.²

35) Bước 1. Xác định mục đích đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng.

1) Bước 2. Xác định các năng lực ngôn ngữ 1) lời nói và năng lực sử dụng lời nói cần đo ở trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi (xác định các chỉ số cần đo).²

Bước 3. Xây dựng ma trận bộ công cụ đánh giá năng 1) lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

Bước 4. Xây dựng các hạng mục kiểm tra.

Bước 5. Xin ý kiến chuyên gia về dự thảo bộ công cụ

Bước 6. Kiểm tra bộ công cụ dự thảo trên trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi. Rà soát, chỉnh 1) sửa bộ công cụ sau ý kiến chuyên gia và 3 lần test thử trên đối tượng trẻ.

Bước 7. Test thử nghiệm bộ công cụ trên đối tượng trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

Bước 8. Rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện bộ công cụ sau thực nghiệm.

Bước 9. Viết tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ công cụ.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng bộ công cụ đã được chỉnh sửa sau lần test thử thứ ba để tiến hành thực 47) nghiệm trên 303 trẻ từ 12 - 36 tháng tuổi tại 53) trường mầm non ở thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh và thị xã Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa. Nội dung thực nghiệm là 24 hạng mục kiểm tra khả năng nghe hiểu lời nói và 24 hạng mục kiểm tra khả năng sử dụng lời nói của trẻ.¹

2.2.1. Độ tin cậy của bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói

10) Để kiểm định độ tin cậy của bộ công cụ đánh giá 1) năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng 1) lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi (sau đây gọi tắt là bộ công cụ), chúng tôi sử dụng mô hình tương quan Alpha của Cronbach's (Cronbach's Coefficient Alpha). Theo các 28) nghiên cứu, độ tin cậy được xem là phù hợp khi hệ số Cronbach's Alpha đạt từ 0,6 trở lên.⁷

16) Kết quả phân tích (bảng 1) cho thấy, hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo dao động trong khoảng từ 0.711 đến 0.904. Theo lý thuyết về độ tin cậy, những hệ số alpha này đủ cao, đáp 10) ứng yêu cầu về độ tin cậy của một bộ công cụ đánh giá 1) năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng 1) lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.²¹

1) Bảng 1. Độ tin cậy của công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói

TT	Các thang đo	Cỡ mẫu	Cronbach's Alpha
1	12-15 tháng	30	0.874
2	16-18 tháng	30	0.867
3	19-21 tháng	39	0.838
4	22-24 tháng	33	0.817
5	25-27 tháng	50	0.739

6	28-30 tháng	39	0.818
7	31-33 tháng	40	0.882
8	34-36 tháng	42	0.853

Để kiểm tra độ tin cậy của từng chỉ số của bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi, chúng tôi đánh giá độ tin cậy của từng chỉ số bằng cách tính hệ số tương quan giữa điểm số của từng chỉ số với điểm số của các chỉ số còn lại của toàn bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói.

phép đo, những chỉ số nào có hệ số tương quan từ 0.20 trở xuống được coi là những item có độ tin cậy thấp, cần điều chỉnh hoặc loại bỏ, những chỉ số nào có hệ số tương quan 0.25 trở lên được coi là có độ tin cậy bảo đảm. Kết quả phân tích được trình bày trong bảng V2 cho thấy, tất cả các item của mỗi thang đo thuộc bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi đều có hệ số tương quan lớn hơn 0.35 trở lên, nghĩa là độ tin cậy của từng item phù hợp.

Bảng 2. Độ tin cậy của từng item - công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói

Các item	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thang đo 12-15 tháng				
NH.1215.01	3.3333	3.885	.460	.885
NH.1215.02	3.6333	2.861	.789	.832
NH.1215.03	3.5333	2.947	.816	.828
SD.1215.01	3.5333	3.016	.762	.837
SD.1215.02	3.6333	3.206	.549	.877
SD.1215.03	3.6667	2.920	.729	.844
Thang đo 16-18 tháng				
NH.1618.01	3.67	3.057	.608	.854
NH.1618.02	3.70	2.838	.729	.834
NH.1618.03	3.80	2.648	.726	.832
SD.1618.01	3.73	3.030	.506	.870
SD.1618.02	3.80	2.579	.783	.821
SD.1618.03	3.97	2.585	.662	.847
Thang đo 19-21 tháng				
NH.1921.01	2.26	3.722	.381	.855
NH.1921.02	2.41	3.090	.733	.786
NH.1921.03	2.56	3.410	.560	.822
SD.1921.01	2.23	3.445	.569	.820
SD.1921.02	2.56	3.094	.773	.778
SD.1921.03	2.59	3.248	.683	.798
Thang đo 22-24 tháng				
NH.2224.01	3.8182	2.403	.653	.783
NH.2224.02	3.8182	2.653	.358	.827
NH.2224.03	4.0000	2.000	.684	.763
SD.2224.01	3.9394	2.184	.590	.786
SD.2224.02	4.0303	1.968	.683	.764
SD.2224.03	4.0303	2.093	.569	.793
Thang đo 25-27 tháng				
NH.2527.01	4.0200	1.449	.560	.677

NH.2527.02	3.9000	1.602	.544	.682
NH.2527.03	3.8000	1.755	.630	.678
SD.2527.01	3.7400	2.115	.371	.743
SD.2527.02	3.9200	1.544	.577	.671
SD.2527.03	4.2200	1.563	.372	.752
Thang đo 28-30 tháng				
NH.2830.01	3.2821	2.787	.557	.795
NH.2830.02	3.2564	2.617	.719	.759
NH.2830.03	3.5641	2.621	.596	.787
SD.2830.01	3.2564	2.880	.511	.804
SD.2830.02	3.5128	2.572	.624	.780
SD.2830.03	3.1282	3.115	.513	.805
Thang đo 31-33 tháng				
NH.3133.01	4.3000	2.010	.643	.872
NH.3133.02	4.1750	2.353	.597	.878
NH.3133.03	4.2750	2.102	.594	.879
SD.3133.01	4.2250	2.076	.750	.853
SD.3133.02	4.2250	2.076	.750	.853
SD.3133.03	4.3000	1.805	.867	.829
Thang đo 34-36 tháng				
NH.3436.01	3.6667	2.959	.648	.827
NH.3436.02	3.6905	2.804	.742	.809
NH.3436.03	3.6667	3.252	.436	.865
SD.3436.01	3.6667	2.862	.724	.813
SD.3436.02	3.6667	2.813	.763	.805
SD.3436.03	3.6667	3.106	.539	.847

Như vậy, từ kết quả phân tích nêu trên cho thấy, các thang đo đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi có tin cậy khá tốt (hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo từ 0.71 đến 0.90); độ tin cậy của từng item trong mỗi thang đo đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi phù hợp (hệ số tương quan lớn hơn 0.35).

2.2. Độ giá trị của bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói

Để kiểm định độ giá trị bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích yếu tố nhằm kiểm tra tính tương đồng giữa các trục của phép đo và cấu trúc đặc tính cần đo. Điều kiện để sử dụng phương pháp phân tích yếu tố là: 1) Hệ số phép thử KMO phải lớn hơn 0.60; 2) Phép thử Bartlett

phải ở mức ý nghĩa; 3) Ma trận tương quan điểm của phép đo phải có một số đáng kể các tương quan lớn hơn 0.30.

Kết quả tính toán hệ số của phép đo KMO của các thang đo dao động trong khoảng từ 0.768 đến 0.834, phép thử Bartlett ở mức có ý nghĩa (sig < 0.0001), ma trận tương quan điểm của các chỉ số có một số lượng đáng kể các tương quan lớn hơn 0.33. Do đó, dữ liệu nêu trên thích hợp cho việc dùng phương pháp phân tích yếu tố để đánh giá độ giá trị của các item.

Kết quả tính toán hệ số chứa yếu tố (bảng 3) cho thấy, tất cả các thang đo của bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi đều có hệ số chứa từ 0.5 trở lên trên duy nhất một yếu tố. Như vậy, bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi có độ giá trị tốt.

Bảng 3. Độ giá trị bộ công cụ đánh giá năng lực **nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói**

Các item	Yếu tố	Các item	Yếu tố
Thang đo 12-15 tháng		Thang đo 16-18 tháng	
NH.1215.01	.578	NH.1618.01	.738
NH.1215.02	.865	NH.1618.02	.834
NH.1215.03	.890	NH.1618.03	.813
SD.1215.01	.850	SD.1618.01	.627
SD.1215.02	.670	SD.1618.02	.878
SD.1215.03	.833	SD.1618.03	.769
Thang đo 19-21 tháng		Thang đo 22-24 tháng	
NH.1921.01	.505	NH.2224.01	.783
NH.1921.02	.846	NH.2224.02	.488
NH.1921.03	.689	NH.2224.03	.806
SD.1921.01	.705	SD.2224.01	.748
SD.1921.02	.872	SD.2224.02	.798
SD.1921.03	.823	SD.2224.03	.712
Thang đo 25-27 tháng		Thang đo 28-30 tháng	
NH.2527.01	.699	NH.2830.01	.710
NH.2527.02	.725	NH.2830.02	.835
NH.2527.03	.814	NH.2830.03	.731
SD.2527.01	.571	SD.2830.01	.655
SD.2527.02	.777	SD.2830.02	.758
SD.2527.03	.505	SD.2830.03	.661
Thang đo 31-33 tháng		Thang đo 34-36 tháng	
NH.3133.01	.749	NH.3436.01	.780
NH.3133.02	.725	NH.3436.02	.851
NH.3133.03	.706	NH.3436.03	.557
SD.3133.01	.830	SD.3436.01	.845
SD.3133.02	.850	SD.3436.02	.850
SD.3133.03	.920	SD.3436.03	.661

Độ giá trị bộ công cụ đánh giá năng lực **nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói** của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi còn được kiểm tra qua việc tính hệ số tương quan của các phép đo với nhau.

Kết quả phân tích tương quan điểm (bảng 4) cho thấy, các item trong mỗi thang đo có tương quan với nhau ($r > 0.5$), bảo đảm công cụ có độ giá trị tốt.

Bảng 4. Ma trận tương quan của các phép đo bộ công cụ đánh giá năng lực **nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói**

Thang đo 12-15 tháng			Thang đo 16-18 tháng		
	NH.1215	SD.1215		NH.1618	SD.1618
NH.1215		1	NH.1618		1
SD.1215	.803**		SD.1618	.834**	

Thang đo 19-21 tháng		
	NH.1921	NH.1921
NH.1921	1	
SD.1921	.719**	1
Thang đo 25-27 tháng		
	NH.2527	TSD.2527
NH.2527	1	
SD.2527	.696**	1
Thang đo 31-33 tháng		
	TNH.3133	TSD.3133
NH.3133	1	
SD.3133	.849**	1

Thang đo 22-24 tháng		
	NH.2224	SD.2224
NH.2224	1	
SD.2224	.791**	
Thang đo 28-30 tháng		
	NH.2830	TSD.2830
NH.2830	1	
SD.2830	.763**	
Thang đo 34-36 tháng		
	NH.3436	SD.3436
NH.3436	1	
SD.3436	.820**	

39

2.1.2. **1**ết quả đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ 12 - 36 tháng tuổi

1 Kết quả đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng (bảng 5) cho thấy, 218 trẻ có năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói 1 mức phát triển

bình thường (c 8 ếm ti lệ 71.9%), số lượng trẻ ở các độ tuổi có mức độ phát triển ngôn ngữ bình thường cũng chiếm ti lệ cao nhất, dao động trong khoảng từ 61.9% đến 76.9%. Như vậy, đa số 8 c trẻ được đánh giá trong nghiên cứu này có mức độ phát triển ngôn ngữ bình thường.

Bảng 5. Năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi

Mức phát triển ngôn ngữ	Trẻ 12-15 tháng		Trẻ 16-18 tháng		Trẻ 19-21 tháng		Trẻ 22-24 tháng		Trẻ 25-27 tháng		Trẻ 28-30 tháng		Trẻ 31-33 tháng		Trẻ 34-36 tháng		Chung	
	41 SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Rất chậm	2	6.7	2	6.7	3	7.7	1	3.0	2	4.0	2	5.1	2	5.0	3	7.1	17	5.6
Chậm	4	13.3	3	10.0	5	12.8	3	9.1	4	8.0	4	10.3	4	10.0	5	11.9	32	10.6
Bình thường	21	70.0	21	70.0	29	74.4	25	75.8	38	76.0	30	76.9	28	70.0	26	61.9	218	71.9
Tốt	3	10.0	4	13.3	2	5.1	4	12.1	6	12.0	3	7.7	6	15.0	8	19.0	36	11.9
Tổng	30	100	30	100	39	100	33	100	50	100	39	100	40	100	42	100	303	100

3. Kết luận

Đề tài đã xây dựng được bộ công cụ đánh giá **10** lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ **12** đến **36** tháng tuổi (gồm **24** **1** hạng mục kiểm tra năng lực nghe hiểu lời nói và **24** **5** hạng mục kiểm tra năng lực **1** dụng lời nói của trẻ) có độ tin cậy cao và độ giá trị tốt. Các hạng mục trong công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ **12** đến **36** tháng tuổi được xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện bám sát nội hàm khái niệm năng lực ngôn ngữ và đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ độ tuổi này, đồng thời tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia ngôn ngữ. Nội dung các hạng mục đảm bảo tính mục đích; diễn đạt dễ hiểu, rõ ràng. Tất cả các item của mỗi thang đo đều có độ tin cậy và độ giá trị phù hợp, bảo đảm đúng năng lực nghe hiểu lời nói và sử dụng lời nói của trẻ từ **12** đến **36** tháng tuổi. Điều này cho thấy việc xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói trẻ **12 - 36** tháng đã được thực hiện tuân theo các nguyên tắc và quy trình chặt chẽ, nhằm đảm bảo tính khoa học của kết quả nghiên cứu. Kết quả thực nghiệm trên **303** trẻ từ **12 - 36** tháng tuổi sinh sống tại các địa bàn khác nhau thuộc tỉnh Khánh Hòa cho phép khẳng định: Bộ công cụ đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói của trẻ **12 - 36** tháng tuổi mà đề tài đã xây dựng có tính giá trị và đảm bảo độ tin cậy ở mức độ **57** ịnh. Tuy nhiên nghiên cứu, đánh giá năng lực nghe hiểu lời nói và năng lực sử dụng lời nói trẻ nhà trẻ từ **12** đến **36** tháng tuổi thông qua sử dụng bộ công cụ chỉ là một trong các phương pháp nghiên cứu. Do đó, giáo viên mầm non, cha mẹ trẻ cần hết sức thận trọng khi sử dụng kết quả đánh giá bộ công cụ để nhận định sự phát triển của trẻ, cần tránh rườnhợp quá xem nhẹ hoặc cường điệu hóa kết quả kiểm tra thu được. Mặt khác, để nhận định về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ngoài việc đưa vào quá kiểm tra trực tiếp trên trẻ, người nghiên cứu cần phải tham khảo những thông tin thu được về trẻ có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

XÂY DỰNG BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGHE HIỂU LỜI NÓI VÀ NĂNG LỰC SỬ DỤNG LỜI NÓI CỦA TRẺ 12 ĐẾN 36 THÁNG -PLAGCHECKED.doc

ORIGINALITY REPORT

50%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	tailieu.vn Internet	1780 words — 32%
2	kynangnghiepvusupham.blogspot.com Internet	77 words — 1%
3	www.zbook.vn Internet	61 words — 1%
4	text.123docz.net Internet	55 words — 1%
5	Hanoi Pedagogical University 2 Publications	42 words — 1%
6	sangkienkinhnghiem.com Internet	39 words — 1%
7	vista.gov.vn Internet	39 words — 1%
8	Hanoi National University of Education Publications	36 words — 1%
9	daihoctantrao.edu.vn Internet	36 words — 1%

10	Ton Duc Thang University Publications	33 words — 1%
11	www.ier.edu.vn Internet	32 words — 1%
12	sites.google.com Internet	29 words — 1%
13	ussh2021conference.weebly.com Internet	26 words — < 1%
14	123docz.net Internet	22 words — < 1%
15	digitalrepository.unm.edu Internet	20 words — < 1%
16	text.xemtailieu.net Internet	19 words — < 1%
17	dspace.agu.edu.vn Internet	18 words — < 1%
18	cdsptw.edu.vn Internet	17 words — < 1%
19	bacsi247.org Internet	16 words — < 1%
20	www.slideshare.net Internet	16 words — < 1%
21	Hanoi University Publications	15 words — < 1%

22	cokhivietnam.vn Internet	13 words — < 1%
23	mnbode.longbien.edu.vn Internet	13 words — < 1%
24	www.phattrienngonngu.net Internet	13 words — < 1%
25	www.thuvientailieu.vn Internet	13 words — < 1%
26	bengoisao.vn Internet	12 words — < 1%
27	doc.edu.vn Internet	11 words — < 1%
28	tapchicongthuong.vn Internet	11 words — < 1%
29	Tổng Tôn Kiên, Nguyễn Việt Hùng, Trần Văn Tấn. "Đánh giá hiệu quả tài chính và kinh tế xã hội của dự án tái chế phế thải xây dựng", Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (KHCCNXD) - ĐHXD, 2021 Crossref	10 words — < 1%
30	about.hostvn.net Internet	10 words — < 1%
31	edukids.vn Internet	10 words — < 1%
32	m.infonet.vietnamnet.vn Internet	10 words — < 1%

33	Internet	10 words — < 1%
34	unica.vn Internet	10 words — < 1%
35	anhdungseo.com Internet	9 words — < 1%
36	dulieu.tailieuhoctap.vn Internet	9 words — < 1%
37	hueuni.edu.vn Internet	9 words — < 1%
38	khoabaohiem.neu.edu.vn Internet	9 words — < 1%
39	luanvan.co Internet	9 words — < 1%
40	luanvan.net.vn Internet	9 words — < 1%
41	repository.uinsaizu.ac.id Internet	9 words — < 1%
42	sangkienkinhnghiem.org Internet	9 words — < 1%
43	toc.123docz.net Internet	9 words — < 1%
44	www.daffa.gov.au Internet	9 words — < 1%
45	www.researchgate.net	

9 words — < 1%

46 www.tapchicongthuong.vn
Internet

9 words — < 1%

47 gtdt.vn
Internet

8 words — < 1%

48 gfcd.org.vn
Internet

8 words — < 1%

49 sangtaotrongtamtay.vn
Internet

8 words — < 1%

50 shophoamattroi.net
Internet

8 words — < 1%

51 tailieu.nhagiao.edu.vn
Internet

8 words — < 1%

52 www.brandsvietnam.com
Internet

8 words — < 1%

53 www.miennam360.vn
Internet

8 words — < 1%

54 www.nordangliaeducation.com
Internet

8 words — < 1%

55 www.tailieudaihoc.com
Internet

8 words — < 1%

56 www.vinmec.com
Internet

8 words — < 1%

57 www.xedaytreem.com.vn

8 words — < 1%

58

Hanoi University of Public Health
Publications

7 words — < 1%

59

VNUA
Publications

6 words — < 1%

EXCLUDE QUOTES OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF
EXCLUDE MATCHES OFF